

# THẤT GIÁC CHI

## DÀN BÀI



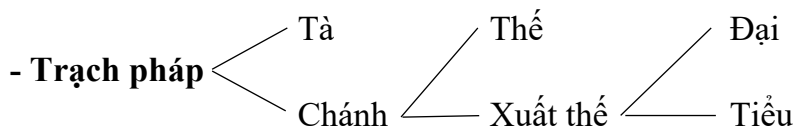
### DẪN KHỞI:

Chúng sanh vô lượng, căn tánh vô biên, vì muốn chúng sanh có đầy đủ phương tiện tu tập thoát ly ái hà. Đức Thế Tôn tuyên bày vô lượng pháp môn để cho chúng sanh hành trì đạt đạo giải thoát. Thất giác chi là một trong nhiều pháp môn phương tiện đó.

**CHÁNH ĐỀ:** Định nghĩa Thất Bồ Đề phần

**Xuất xứ:** Kinh Thất Giác Chi, Tập A Hàm. Pháp Hội Vô tận ý Bồ Tát Kinh Bửu tích

Thành phần:



- Thế gian không đúng chánh pháp

- Ngoại đạo tinh tấn tà

### - Tinh tấn

- Nhị thừa: Tứ chánh cần

- Bồ Tát: Tứ hoằng thệ nguyện

### - Hỷ

- Phàm phu vui trong ngũ dục

- Ngoại đạo vui trong định thế gian và kiến chấp

- Nhị thừa vui với pháp tu và thiền định hỷ lạc

- Bồ Tát vui với độ mình độ người

- **Khinh an:** Thân Tâm

### - Niệm ghi nhớ chánh pháp

Phật

Pháp

Tăng

Giới

Pháp minh Chơn tu

### - Định

Thế gian

Xuất thế 

```
graph LR; XT[Xuất thế] --- AT[An trụ]; XT --- DP[Dần phát]; XT --- TS[Thành sở tác];
```

An trụ

Dần phát

Thành sở tác

- Không vương phiền não
- **Xả** - Xả bỏ pháp không thích hợp
- Không trụ pháp

Thất giác chi của Bồ Tát đại thừa

Sự tương quan chặt chẽ của Thất Giác Chi

**Lợi ích:**

Tiêu trừ bệnh khổ

Ác pháp tiêu diệt

Thiện pháp tăng trưởng

Thân tâm an lạc

Chứng thành Phật đạo

**KẾT LUẬN:**

Thất giác chi là hành pháp tối diệu giúp chúng sanh đoạn trừ phiền não dứt lậu hoặc, tiêu trừ bệnh khổ, thành tựu trí huệ giải thoát. Vậy, hàng Phật tử hãy hành pháp này đạt được an lạc giải thoát ngay trong hiện tại và vị lai.

Thích Nguyên Bình

# THẤT BỒ ĐỀ PHẢN

## DẪN KHỞI

Đức Phật là bậc Đại y vương ra đời để chữa lành bệnh khổ cho tất cả chúng sanh. Chúng sanh vô lượng, căn tánh vô biên, bệnh khổ cũng muôn trùng. Cho nên, pháp dược phương tiện cũng vô biên, tùy cơ đối trị tâm bệnh não phiền của nhân sanh, đưa họ vào bảo thành an lạc thành tựu giải thoát. Tám vạn bốn ngàn pháp môn được nói ra để ứng duyên hóa độ chúng sanh, mở bày trí kiến như thật cho vạn loại hàm linh cùng thấu ngộ. Thất Bồ Đề phản là một trong vô lượng pháp hành vi diệu để nhân sanh thực hành thành tựu quả Bồ Đề giác ngộ. Vậy! Ta hãy tìm hiểu về Thất Bồ Đề phản để có thể ứng dụng vào cuộc sống tu tập, hành đạo của mình.

## CHÁNH ĐỀ

Thất Bồ Đề phản tiếng Phạn là Satabodhyary. Chữ Thất có nghĩa là bảy. Bồ Đề là chỉ cho giác ngộ hay trí huệ giải thoát. Phản là chỉ cho từng phần, từng loại hay một pháp. Vậy Thất Bồ Đề phản là bảy pháp tuần tự tu học giúp cho hành giả thành tựu trí huệ hay đạo quả giác ngộ.

Thất Bồ Đề phản còn có tên khác là Thất Giác chi, Thất giác ý hay Thất giác phần. Gọi là Thất giác chi vì bảy chi này có công năng giác ngộ đạo mầu, thành tựu giải thoát.

Gọi là Thất giác phần hay Thất giác ý với ý nghĩa 7 phần này đưa người hành thành tựu giác ngộ.

Kinh Thất Giác chi được Phật nói cho các Tỳ kheo và Vương tử Vô Úy để đối trị năm triền cái: Tham dục, sân nhuế, thủy miên, trạo hối và nghi ngờ. Ngài dạy: “Thánh đệ tử tín tâm trong sạch tịnh chuyên nghe pháp, tu tập bảy pháp: niệm, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả, có thể đoạn trừ được năm triền cái”. Dứt ái phược kết, mạn, vô minh, được cứu cánh giải thoát (Tập A Hàm 706 - 711). Theo Đại thừa nghĩa chương quyển 16 Thất giác chi gồm có: Trạch pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh An, Niệm, Định, Xả.

**Trạch pháp:** Trạch pháp là vận dụng trí huệ chọn lựa pháp môn tu hành, đúng với chánh pháp, khế hợp với căn cơ của mình, không nhận lầm, tu tập các pháp ngoại đạo. Các tôn giáo khác bắt buộc tín đồ tin tưởng tuyệt đối vào giáo điều của họ, không được nghi ngờ, chiêm nghiệm suy nghĩ đúng sai. Chúng sanh vì nghiệp chướng mê lầm nên thường đặt trọn niềm tin thích thú với tà pháp ngoại đạo hơn là tin nhận chánh pháp. Ngay cả hàng Phật tử sơ tâm cũng thường lầm lẫn tà giáo ngoại đạo cho là chánh pháp. Sự lẫn lộn này do ngoại đạo nguy tạo kinh giáo, đem giáo nghĩa Phật

làm giáo lý của mình, lập lờ đánh lộn con đen khiến cho vàng thau lẫn lộn, khiến người mê muội lầm tin mãi chìm trong sanh tử u đồ, lầm lạc trong vô minh vĩnh kiếp. Vì thế, đạo Phật chủ trương lấy trí huệ làm sự nghiệp nên dạy Phật tử phải biết rõ sự tướng bản thể và diệu dụng của các Pháp đúng như thật tri kiến, không thể sai lệch vì “Sai chi hào ly, thất chi bá niên”. Nghĩa là: “ Sai đi chút ít mà trăm kiếp khó quay đầu về nẻo chánh”. Nếu nhận lầm tà pháp sẽ lầm lạc vô cùng, vĩnh kiếp làm ngoại đạo bàng môn. Vì thế, trước khi bước vào hành trì tu tập thì phải tuyển chọn pháp hành, xem xét pháp nào phù hợp với mình, biết rõ đâu là thế gian, pháp đâu là pháp xuất thế, nó đem lại an lạc hay khổ não khi hành trì. Đây là chánh pháp hay ngoại giáo ngụy tạo xen vào. Đây là lời Phật hay lời Tò. Đây là tiểu pháp thích hợp cho căn cơ cạn hẹp, đây là pháp thích hợp với tất cả chúng sanh. Đây là Đại thừa pháp dành cho bậc thượng trí. Ngoài ra, phải tự lượng sức xét đoán căn cơ mình, thích hợp với pháp nào để tiến tu không lầm lẫn. Nếu chọn lầm pháp thì uổng phí thời gian, tốn công vô ích hoặc có thể lầm lạc vào u đồ ác đạo nếu chọn lầm tà pháp.

Thuở xưa Tôn giả xá lợi phát đem pháp quán sổ tức truyền cho người giữ nghĩa địa. Ngài Mục Kiền Liên đem phép quán bất tịnh truyền cho người thợ rèn cả hai đều không tu được. Về sau Phật mới dạy bảo người thợ rèn tu quán sổ tức, người giữ nghĩa địa tu quán bất tịnh. Nhờ đó hai vị thành tựu đạo quả. Như vậy, chọn pháp hành trì là điều cần yếu và quan trọng nhất của người muốn tu đạo. Pháp hành không phù hợp hoàn cảnh nhơn duyên hiện tại thì khó ngộ nhập căn cơ không đúng không hành được pháp thì trí huệ giải thoát không sanh. Nếu căn cơ nhỏ mà Hành Đại pháp thì khó thành đạo nghiệp. Ngược lại, chí nguyện lớn mà hành pháp tiểu thì như Ngài Duy Ma quả trách là “Đem biển lớn để vào chậu chân trâu, đem bát bảy báu đựng đồ như uế, cho ánh sáng mặt trời đồng với đom đóm” thật là đáng tiếc vô vô cùng. Như vậy, trạch pháp là bước đầu căn bản mà người con Phật phải hành, phải vận dụng trí tuệ để chọn lựa giã trạch các pháp, chọn lựa đúng như pháp tu trì chứ không nhắm mắt nhảy vào tu tập bừa bãi. Đức Phật từng nhấn mạnh “Tin ta mà không hiểu ta là phỉ báng ta” trước khi bước vào nẻo tu trì chọn lựa phép tu, chọn thầy hướng dẫn là điều cần yếu vô cùng của người Hành đạo.

**Tinh Tấn:** Sau khi chọn lựa được pháp tu, thì phải chuyên tâm tinh tấn hành đạo. Tinh là tinh thuần chuyên nhất không xen tạp, tấn là nỗ lực tiến tu không lùi bước, không mỗi mệt giải đãi biếng lười, không lùi bước trước gian lao, khó nhọc trên quãng đường dài hành đạo diệu vợi xa xăm. Không tự mãn, cao ngạo khi có sự thành tựu. Chỉ khi nào thành đạt quả vị vô thượng Bồ Đề mới thôi nghỉ. Đức Phật dạy “Nếu tinh cần thì không việc gì khó, ví như nước chảy lâu ngày có thể soi thủng cả đá” có tinh tấn thì đạo quả mới viên thành, có tinh tấn hành giả mới vượt qua vũng lầy sanh tử. Có

tinh tấn công đức lành mới tròn đủ. Nhưng có tinh tấn như thế nào? Đối với người xuất gia và hàng Phật tử phát nguyện kiên cố hành đạo thì hành tinh tấn trên căn bản tứ chánh cần. Tinh tấn đoạn trừ những điều ác đã sanh. Tinh tấn đoạn trừ những điều ác chưa sanh tinh tấn tu tập những điều thiện đã phát sanh. Tinh tấn tu tập những điều thiện chưa sanh. Với những ai phát nguyện lớn hành đạo Bồ Đề thì hành tinh tấn trên tứ hoằng thế nguyện làm căn bản tiến vào Phật địa. Theo Trí độ luận, Tinh Tấn có hai pháp: Thân tinh tấn và tâm tinh tấn, thân tinh tấn là hành thiện lợi sanh như bố thí, trì giới, nhẫn nhục trên căn bản tự thân hành đạo. Tâm tinh tấn là trí huệ tinh tấn, vận dụng thiền định, trí huệ bát nhã chiếu soi hiển bày thể dụng dung thông nhất quán. Người hành đạo phải có tinh tấn làm năng lực thúc đẩy để thành tựu tất cả pháp lành, tiến tu không mệt mỏi. Chúng sanh thì trước cần sau giải đãi nên khó thành tựu được chí nguyện. Vì thế, phải tu tinh tấn để thành tựu tất cả công hạnh tự lợi lợi tha để tiến vào bảo sở.

**Hỷ:** Hoan hỷ an lạc thích thú trong chánh pháp. Chúng sanh vui với cha mẹ, bè bạn, anh em quyến thuộc, vợ con, vui trong vật chất đầy đủ, ngũ dục tự tại. Các nhà bác học vui vẻ với phát minh sáng kiến của mình. Hiền thánh thế gian vui sống với đạo, hành thiện lợi sanh. Ngoại đạo vui khổ hạnh và thiên thế gian. Các niềm vui trên chưa phải là niềm vui thật sự, niềm vui chân thật, bền vững mà là vui trong khổ vị lai, vui trong an lạc nhất thời. Hay vui trong thế gian pháp sanh diệt. Người con Phật nhờ tinh cần tu tập chánh Pháp hành pháp trong an lạc hoan hỷ nên thành tựu pháp hỷ thực. Đây là món ăn tinh thần không thể thiếu của người tu. Nhờ hoan hỷ an vui trong pháp mà hành đạo thành tựu vô lượng công đức. Cái vui của người tu nhị thừa thiên nhiên về tự lợi độ mình, an trú trong pháp lạc, trong thiền định. Còn hàng Bồ Tát thì vui trong thiền định tự tại, vui trong hành đạo lợi sanh cứu độ quần mê, độ mình độ người tự tại an lạc. Trong cuộc sống đạo hạnh, nếu người tu không tìm được niềm vui với đạo thì vị đó không tồn tại được trong đạo, chứ đừng nói đến việc tiến tu đạo nghiệp. Thiếu pháp hỷ thì người tu như cây khô không còn nhựa sống, chắc chắn sẽ băng hoại. Vì thế hỷ là điều cần có, cần phát triển của người tu.

**Khinh an:** Là trạng thái tâm nhẹ nhàng an lạc , thoi thới, vui sướng một niềm vui kỳ lạ vi diệu. Nhờ tinh tấn hành đạo trong niềm vui chánh pháp lần lần dục vọng, phiền não hoặc nghiệp được tiêu trừ. Thân tâm được nhẹ nhàng thoi thới an vui thấm nhuần phỉ lạc. Trạng thái này chỉ có được khi hành giả có thiền định, phiền não hoặc nghiệp vơi nhẹ đi nhờ khi hành đạo chúng ta trút bỏ đi mọi dục vọng tham lam ham muốn mê mờ đeo bám quanh ta.

Trong cuộc sống nhân sanh, con người phải toan tính mưu cầu trong cuộc sống, va chạm với thực tế phũ phàng của cuộc đời, bức xúc ưu tư với chính mình. Cho nên, đầu óc bị dồn nén căng

thẳng lăm khi tạo nên một trạng thái căng thẳng tâm thần mỗi một tội độ. Đặc biệt, trong cuộc sống xã hội ngày nay chứng bệnh đó rất nhiều, mà khoa học gọi là hội chứng stress, làm cho con người giãn vật đau khổ, lăm khi điên loạn khật khùng. Vì vậy, nếu có điều kiện, hàng Phật tử nên tạo điều kiện học tập chánh pháp, tu niệm Phật, thiền quán để có hỷ và khinh an, xóa đi mọi căng thẳng, bất an do cuộc sống gây ra, giữ được trạng thái an bình thanh thản của người, có năng lực vượt tất cả não phiền và trí sáng trực nhận giải quyết tất cả việc thế gian trên tinh thần tỉnh sáng.

**Niệm:** Là chánh niệm, là nghĩ nhớ chánh pháp, thường niệm thiền định và trí huệ. Tâm thức chúng ta luôn nghĩ nhớ không hề gián đoạn về thế gian, về niệm bất thiện, về phiền não ác pháp. Niệm niệm nối nhau không dứt. Vì thế, duy thức học đã diễn tả là “Chảy mạnh khỏe như thác nước”. Dòng chảy tâm thức vô minh này nhấn chìm tất cả thiện pháp an lạc của thế và xuất thế. Để tâm niệm luôn sáng suốt thì ta phải luôn nghĩ nhớ đến chánh pháp. Kinh Tăng Nhất A Hàm đã dạy chúng ta bốn lãnh vực quán niệm, đó là: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới hay mở rộng ra đến 10 lãnh vực quán niệm: Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiên, An ban Hữu tức, niệm Sanh, niệm Tử để nhiếp tâm trong chánh niệm, tư duy về đạo. Nhưng không phải chỉ giới hạn trong mười pháp đó mà tu pháp nào thì ta nghĩ nhớ pháp đó. Với niệm Phật thì nghĩ nhớ Phật, trì chú thì nhiếp tâm nghĩ nhớ chú. Hành pháp thiền nào thì luôn nghĩ nhớ đến pháp ấy không hề lìa bỏ. Nhiếp tâm chánh niệm nghĩ nhớ pháp hành là cơ sở để thành tựu chánh định giải thoát. Vì thế ngài Quy sơn ân cần khuyên nhủ: “Giáo lý nếu chưa từng để lòng ghi khắc, đạo huyền diệu nhân đâu được khế ngộ”. Đây là điều tất cả những ai muốn chứng ngộ đạo màu phải nhất tâm phụng hành.

**Định:** Là để tâm chuyên nhất vào một cảnh, một đề mục quán niệm, tư duy quán xét tâm, không xao động trước mọi trần cảnh. Nhờ nhất tâm vào pháp tu nên lần lần thành tựu sơ thiền... đến tứ thiền lần lần đoạn hoặc chứng chơn thành tựu giải thoát. Theo Nhiếp đại thừa luận định có ba bậc:

- An trụ: Để tâm an trụ vào định cảnh không loạn động nhờ đó phiền não tiêu trừ.
- Dẫn phát: Do đoạn sạch phiền não nên phát sanh các thứ thân thông.

- Thành sở tác định: Do phát khởi các thứ công đức thân thông nên thường làm lợi ích chúng sanh. Cứu độ chúng sanh thoát ly sanh tử chứng quả Niết Bàn. Định chính là nền tảng để phát sanh tất cả công đức trí huệ, đoạn trừ phiền não, chứng quả Niết Bàn thấu rõ chân như thật tướng bản lai các pháp. Vì thế kinh Di Giáo nói: “Nếu người nhiếp tâm thì tâm tại định, có thể biết khắp pháp tướng sanh diệt của tất cả thế gian”.

Như vậy, nhờ nhiếp tâm niệm chánh pháp để quán chiếu tư duy mà phát sanh chánh niệm. Nhờ tu thiền định kiên cố mà đoạn hoặc chứng chơn mà phát sanh trí huệ chứng quả Niết Bàn.

**Xả:** Là xả bỏ không vướng chấp, chúng sanh cố chấp mê lầm trong tà kiến, người tu hành mà cố chấp thì không thể tiến vào vô sanh giải thoát. Trong lúc hành đạo nếu có trở ngại thì phải xả pháp này hành pháp khác. Như ngồi thiền bị ma hôn trầm ám ảnh không thể thiền định được, nếu không tu xả thiền tu pháp đối trị lâu ngày hôn trầm bao phủ sẽ không bao giờ có thiền định được. Người tu đạo hành trì nếu không có hành pháp xả trên căn bản trí huệ thì không thể vượt khỏi lưới ma chướng đạo Niết Bàn. Sau khi thành tựu pháp đó lại xả bỏ không chấp mắc vào chỗ chứng đạt của mình. Thành tâm học pháp khác cho thành tựu, một trong những thệ nguyện sâu dày của Bồ Tát là học tận pháp môn vô lượng để độ chúng và chứng quả Phật đạo. Nhưng khi thành tựu tất cả pháp rồi vẫn không thấy có pháp nào để chứng đắc, để thành tựu. Vì thế, kinh Kim Cang có nói: “Đắc A Nậu Đa La tam miệu tam Bồ Đề thật không có pháp nào để chứng đắc”. Cùng ý nghĩa đó, Tứ thập nhị chương Kinh cũng bảo: “Tu vô tu, hành vô hành, chứng vô chứng để nói lên sự xả ly tất cả pháp, không còn dính mắc vào pháp hành, tự tại trong pháp”. Đức Phật đã dạy: “Chánh pháp còn phải xả, huống là phi pháp”. Có hành xả thì đạo mới vi diệu, thấu đạt tánh tướng giai không thành tựu chân giải thoát thật sự bước chân vào quả vị thánh hiền.

*Thất giác chi theo tinh thần Đại thừa.*

Sở dĩ gọi là giác phân vì rõ biết các pháp không gì chẳng thấu suốt, phân biệt đúng đắn hiểu rành chỗ đến, biết đúng oai nghi lễ tiết ở tất cả xứ khai hoá chúng sanh, đúng theo phong tục cõi nước. Tự thân siêng tu hành đạo, trừ tất cả kiết phục kiến chấp. Đây là chỗ hành đạo của hiền thánh chẳng phải của người si có thể biết.

Bồ Tát Niệm giác chi là tâm hằng tự tại như sư tử, chẳng mất đạo huệ, tâm cầu đạo không sở đắc, không thôi thất, lia lo nghĩ hơn hẳn Thanh văn Duyên Giác thừa là niệm giác chi.

Trạch Pháp là quan sát đạo hạnh đúng thời, không có chấp trước, tâm hằng hộ pháp ngày thêm mới, hiểu rõ tất cả pháp thanh tịnh, lia nhiệm tịnh cấu uế là khéo trạch pháp vậy.

Tinh tấn là siêng tu không chướng ngại, hạnh nghiệp thanh tịnh, gìn thân khẩu ý, không hề sai phạm, khai thị giáo hoá chúng sanh, lòng không chán mỏi.

Hỷ là thân ý an nghỉ, siêng cần suy luận, thanh tịnh vô trước rời lia nguy hại. Được đến cứu cánh, vui trong pháp lạc.

Khinh An là tâm không sở trụ hoá độ nhơn dân, dứt trừ trần lao kiến lập thánh đạo, nghiêm trì công hạnh việc làm đều xong, làm tất cả chúng sanh thân tâm an lạc nhẹ nhàng thanh thản trong chánh pháp.

Định giác chi là rời lia thiên vị mà được thấu đáo tất cả thiên định, an trụ đẳng trì, tâm chẳng tạp loạn, đối cảnh bình đẳng chẳng thuận theo thế tục

Xã Giác chi là công nghiệp gây tạo đều được thành tựu, hay làm tất cả hạnh thánh hiền, gây dựng cho mọi người, tâm chưa hề an trụ hai kiến chấp đoạn thường, hằng cứu tế giữ gìn chúng sanh không hề chán bỏ mà không chấp trước công đức và thánh hạnh.

Theo pháp hội Vô tận Ý Đại Bồ Tát Thất Giác Phần chẳng thể cùng tận.

Nếu niệm giác phần có thể quán nơi pháp, có thể phân biệt pháp soạn, khế hợp tư duy trí huệ, cũng hay quán sát tự tướng tất cả pháp đều không niệm, niệm như vậy đều có thể hiểu rõ. Đây là Bồ Tát *Niệm Giác Phần*.

Nếu có thể phân biệt hiểu rõ tám vạn bốn ngàn pháp tụ như các pháp được hiểu rõ, liễu nghĩa là liễu nghĩa, bất liễu nghĩa là bất liễu nghĩa, thế đế là thế đế, đệ nhất nghĩa đế là đệ nhất nghĩa đế, giả danh là giả danh rõ đúng không nghi là rõ đúng không nghi. Các pháp như vậy là phân biệt tuyền trạch. Đây gọi là Bồ Tát *Trạch Pháp Giác Phần*.

Dùng trí huệ nhiếp lấy Niệm pháp, trạch pháp, Hỷ pháp, trừ pháp, Định pháp, Xã pháp tinh tấn dũng mãnh không thoái chuyển, siêng tu gắng sức chẳng bỏ bỏn ý hành chánh đạo. Đây gọi là Bồ Tát *Tinh Tấn Giác Phần*.

Bồ Tát ở nơi vô lượng Pháp Hỷ được lòng hỷ duyệt không có giải đãi thanh tịnh thích pháp Hỷ dũng được ấy có thể trừ thân tâm bỏ các phiền não. Đây là Bồ Tát *Hỷ Giác Phần*.

Thân tâm an định không còn các phiền não, lia các phú các nhập vào cảnh giới định khiến tâm an trụ. Đây gọi là Bồ Tát *Trừ Giác Phần*.

Như định được nhập đều có thể đều biết rõ, chẳng phải chẳng nhập định là biết rõ pháp. Lại rõ các kiến phiền não kiết phược vô thi vô chung, tâm thường bình đẳng tất cả pháp không có tướng dị biệt, có thể biết các pháp bình đẳng như vậy, gọi là Bồ Tát *Định Giác Phần*.

Với các pháp ưu hỷ tâm Bồ Tát chẳng chìm, cũng chẳng bị thế gian níu kéo, không có cao không có hạ, chánh trụ bất động, không mừng không tham trước, không có các chướng ngại, chánh trực tùy thuận chơn đế chánh đạo là Bồ Tát *Xã Giác Phần*.

Điểm đặc thù người tu hành cần rõ là các kinh đại thừa thường chỉ rõ hạnh quả của pháp nên người không có căn bản tu hành nhìn vào khiếp vĩa lác đầu, không có lối hành căn bản nên các nhà nghiên cứu thường cho đại thừa là sự sáng tác của người sau, thế nhưng khi có căn bản tu và nhìn sâu chúng ta thấy rõ thường các kinh đại thừa phân định rất rõ ràng đâu là căn bản hành của sơ môn đâu là quả hành của Bồ Tát đâu là hành pháp của đại Bồ Tát, như vậy nếu không thật chứng pháp



làm sao nói chỉ có bậc chứng đạo mới có thể nói rõ tận cùng tánh tướng của pháp hành. Như vậy pháp này nếu không phải đích thân Đức Phật nói cũng là bậc chứng đạo viên mãn pháp này mới nói được. Trong pháp hội Vô Tận Y Bồ Tát Pháp này được ngài nói dưới sự minh chứng của Đức Phật, chứ không trực tiếp do Phật nói.

Bảy pháp này là phao giải thoát đưa chúng sanh từ bờ mê đến bến giác. Sở dĩ có sự khác biệt giữa Nam phương và Bắc phương về Thất giác chi. Bởi vì Nguyên Thi đặt nặng về tu định nên đặt niệm lên làm đầu. Vì niệm chính là chánh niệm nhiếp tâm trong định. Có chánh niệm trong định rồi mới chọn pháp hành thích hợp đối trị bệnh tâm để thành tựu giải thoát. Như vậy, trạch pháp của nam phương là chọn pháp đối trị trong tu hành để đoạn trừ phiền não. Vì lấy tu hành thiền định làm cốt yếu. Đại thừa phát triển lấy trí huệ làm nền tảng, nhận thấy tu định chỉ là nhân sanh huệ, trên tinh thần tức giới tức định tức huệ. Và lại thuở xưa, Đức Phật là người huấn thị đưa pháp đúng căn cơ chúng sanh, người sau y thầy học lắm khi pháp hành không phù hợp nên thường tự chọn pháp cho mình. Cho nên, trước tiên phải học rộng chánh pháp làm căn bản. Sau đó, mới chọn lựa phép tu giản trạch lấy một pháp đúng theo căn cơ trình độ mà hành trì. Như vậy, sự cải chuyển sắp xếp của Đại thừa là đứng trên căn cơ chúng sanh mà phán định. Cho nên phù hợp với hoàn cảnh và nhân sanh hơn là Nguyên Thi.

Thế nhưng trong nhiều pháp hội đại thừa như trong kinh Bửu tích, bảy giác phần vẫn theo thứ tự như giáo pháp căn bản, rõ ràng sự sai khác thứ tự này do các nhà đại thừa hoán chuyển chữ trên kinh giáo là nhất thống. Chỉ có ý nghĩa của hành pháp thì đại thừa và căn bản sai khác thôi

Bảy pháp này tương quan chặt chẽ với nhau theo hệ thống vòng tròn nhất quán. Hành một pháp tức hành cả sáu pháp còn lại. Trong trạch pháp có đầy đủ tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm. Định, xả không thể lìa nhau. Như vậy, chỉ cần hành một pháp cũng thành tựu giác ngộ. Vì một tức tất cả, tất cả là một, tương dung vô ngại thành tựu nhất quán không hai. Dù hành theo nguyên thi hay hành theo Đại thừa đều đem lại kết quả giải thoát an vui với điều kiện chọn pháp hành tu thích hợp và tinh tấn hành trì, hội đủ nhân duyên tiến tu viên mãn thì chắc chắn sẽ thành tựu.

Khi tu tập bảy giác chi này hành giả sẽ được những ích lợi sau:

- Ác pháp tiêu trừ dứt sạch dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.
- Đoạn trừ năm triền cái: Tham dục, sân nhuế, thủy miên, trạo hối, nghi ngờ.
- Thiện pháp tăng trưởng lớn mạnh.
- Thân tâm thanh tịnh an lạc, không bệnh khổ.
- Thành tựu trí huệ giải thoát.

- Chứng thành Phật đạo.

Một trong những công năng vi diệu của Thất giác chi là các bậc thánh vô lậu khi được nghe đến pháp này thì bệnh khổ tự tiêu trừ. Kinh Tương ưng bộ V có ghi: “Một hôm Tôn giả Đại Ca Diếp mắc trọng bệnh đau đớn khó thể kham nhẫn. Đức Thế Tôn đến thăm và nói tóm lược về Thất giác chi. Nghe xong Tôn giả liền lành bệnh. Ngay cả Đức Thế Tôn một hôm lâm trọng bệnh, Ngài liền bảo Tôn giả Đại Thuần đà trùng tuyên pháp này. Nghe xong, Ngài liền lành bệnh. Vô số trường hợp như thế được đề cập đến trong kinh đều đề cập đến các bậc thánh. Khi nghe đến pháp này thì bệnh khổ được tiêu trừ. Đây là năng lực vi diệu của Thất giác chi mà các pháp hành khác không có. Vì vậy, hàng Phật tử chúng ta nên hành trì pháp này để thân tâm an lạc, bệnh khổ tiêu trừ được lợi ích lớn cho mình và người.

## **KẾT LUẬN**

Như vậy, bảy giác chi này là giáo pháp thù thắng đưa người tu hành đến chỗ an lạc và giải thoát của các bậc thánh hiền. Bởi vì, nó có công năng đoạn tận kiết sử, trừ tận mọi khổ não, thành tựu chánh trí vô lậu giải thoát. Vậy hàng Phật tử chúng ta hãy chí tâm hành đạo đúng như chánh pháp, như chơn lý mà tu hành để thành tựu giải thoát ngay trong hiện tại và tương lai. Chư Phật đã vì lòng từ mẫn thị hiện ra đời tuyên bày vô lượng pháp môn cho chúng sanh tu tập, thành tựu quả vui chân thật. Đó là ân đức vô lượng mà chư Phật vì lòng từ bi vô ngã đem lại cho chúng sanh. Vậy hàng Phật tử chúng ta đừng nên học suông, hiểu rộng mà bỏ phế hành trì, để rồi vĩnh kiếp luân hồi trong sanh tử! Mãi phụ thâm ân của Đức Từ phụ đã Từ mẫn thị hiện vào Ta Bà tuyên bày chân lý độ chúng sanh ra khỏi chốn ái hà. Vậy chúng ta hãy tinh tấn học chánh pháp này để giải thoát và cứu độ chúng sanh ra khỏi biển trần lao sanh tử.